

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THƯ'  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HSST

Ngày: 28/4/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thoan

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều

2. Ông Phạm Đức Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Đ**, sinh ngày 15/12/1995 tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Đỗ Hữu N, sinh năm 1969 và bà Trần Thị M, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 31/2013/HSST ngày 19/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt Đ 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2014; Chấp hành xong án phí hình sự vào tháng 11 năm 2013. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 19/12/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, *trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

**2. S**, sinh ngày 13/10/1997 tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông : Đào Ngọc T (tên gọi khác Đào Xuân T), sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Từ tháng 02/2016 đến tháng 01/2018 tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải

quân. Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/12/2019, đến ngày 19/12/2019 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, *trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

*\* Người chứng kiến:*

1. Anh Trần Trung D, sinh năm 1977, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (*Vắng mặt*).

2. Anh Trần Văn B, sinh năm 1964, trú tại: Thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình (*Vắng mặt*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/12/2019, Đ đi làm về qua nhà S, Đ rủ S đi mua ma túy về sử dụng. S đồng ý. Khi về đến nhà, Đ lấy 150.000 đồng rồi nhắn tin qua Facebook cho S với nội dung: “*Có hìu rồi, tắm rửa đi rồi đi na*”, ý là có tiền rồi và rủ S đi mua ma túy. S trả lời: “*OK nha*”. Khoảng 45 phút sau, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số đăng ký 60S9 - 6107 đến nhà S. Tại đây, S đưa cho Đ 100.000 đồng để chung tiền mua ma túy. Sau đó, Đ chở S đi đến khu vực cánh đồng, thuộc xã X, huyện V thì dừng xe. Đ bảo S đứng đợi rồi đi đến mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ 250.000 đồng được 01 túi ma túy cất giấu vào trong túi quần đang mặc rồi quay lại chỗ S đứng và nói: “*OK. Đi về*”. S hiểu là Đ đã mua được ma túy nên cả hai quay về. Khi đi đến khu vực đường 454, thuộc địa phận thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình thì bị tổ công tác Công an huyện Vũ Thư nghi vấn, giữ lại kiểm tra phát hiện, thu giữ tại túi quần soóc bên trái phía sau Đ đang mặc 01 túi nilon trong suốt màu trắng có khóa kẹp, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, Đ và S khai nhận là ma túy đá do cả hai góp tiền mua về để sử dụng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 18 giờ 15 phút ngày 16/12/2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình lập ngày 16/12/2019; Biên bản kiểm tra điện thoại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình lập ngày 16/12/2019 tại trụ sở Công an huyện Vũ Thư đối với 02 điện thoại thu giữ của Đ và S; Bản Kết luận giám định số 474/KLGD - PC09 ngày 17/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết quả xét nghiệm ma túy của Bệnh viện Tâm thần Thái Bình ngày 17/12/2019 xác định Đ và S đều dương tính với Methamphetamine; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến: ông Trần Văn B và anh Trần Trung D cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản kết luận giám định số 474/KLGD - PC09 ngày 17/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định là ma túy, loại **Methamphetamine**, có khối lượng 0,3529 gam (Không phải ba nghìn năm trăm hai mươi chín gam).

Methamphetamine STT: 323, *Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.*”

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSVT ngày 12/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố đối với các bị cáo Đ và S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và trình bày ý kiến bổ sung: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo S đã giao nộp cho Tòa án giấy Chứng nhận ông Đào Ngọc T (tên gọi khác là Đào Xuân T) là bố đẻ bị cáo S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo S được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Đ và S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ 01(một) năm 03 (ba) tháng đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/12/2019. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo S 01(một) năm đến 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/12/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Đ và S. Vật chứng và tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: Số ma túy, loại Methamphetamine hoàn trả sau giám định còn lại 0,2935 gam được niêm phong trong phong bì số 474/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Đ và 01điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của S. Và đề xuất những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Các bị cáo Đ và S đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo tích cực cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:**

Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

## **[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:**

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và là chứng cứ buộc tội lẫn nhau; phù hợp với lời khai của những người chứng kiến và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản tạm quản lý phương tiện và các biên bản kiểm tra điện thoại do Công an huyện Vũ Thư lập ngày 16/12/2019; Bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 17 giờ 45 phút ngày 16/12/2019, tại đường 454, thuộc địa phận thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đã phát hiện, bắt quả tang Đ và S đang tàng trữ trái phép 0,3529 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Các bị cáo Đ và S đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ; nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tàng trữ 0,3529 gam Methamphetamine. Mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là để sử dụng, thỏa mãn nhu cầu bản thân. Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 quy định về tội tàng trữ trái phép chất ma túy: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...c) Heroine, Cocaine, Mathamphetamine, MDMA hoặc XLR- 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”. Như vậy, hành vi tàng trữ trái phép 0,3529 gam Methamphetamine của hai bị cáo Đ và S đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

## **[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:**

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Đ và S là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguy cơ tiềm ẩn làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo Đ và S có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo Đ là người trực tiếp chở S và giao dịch mua ma túy nên có vai trò đầu. Bị cáo S góp tiền nên xác định có vai trò thứ hai. Do vậy, cả hai bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ trái phép theo quy định pháp luật.

**[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:**

Các bị cáo Đ và bị cáo S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Đ năm 2013 đã bị xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản; Đã chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2014 và chấp hành xong án phí hình sự vào tháng 11/2013. Bị cáo S có nhân thân tốt.

**[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:** Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo Đ và S mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời có tác dụng trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

**Về hình phạt bổ sung:** Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, ...*”. Xét thấy các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, quá trình điều tra xác định các bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

**[6] Về vật chứng của vụ án và tài sản thu giữ:**

- Số ma túy còn lại được hoàn trả sau giám định, loại Methamphetamine có khối lượng 0,2935 gam được niêm phong trong phong bì số 474/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình thu giữ của các bị cáo là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của S: quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khẳng định đó là tài sản hợp pháp của các bị cáo, cả hai đều thừa nhận đã sử dụng 02 chiếc điện thoại này làm phương tiện liên lạc với nhau để rủ nhau mua ma túy về sử dụng. Nội dung các bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung 02 biên bản kiểm tra điện thoại lập ngày 16/12/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (bút lục số 12-13). Nên có cơ sở xác định hai chiếc điện thoại này có liên quan đến tội phạm, do vậy, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận giữa Công an huyện Vũ Thư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư ngày 17/3/2020).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 60S9 - 6107 thu giữ của Đ, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận: Chiếc xe này Đ mượn của anh trai là Đỗ Hữu Đ1, sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh Đức khai mua xe của một người đàn ông không quen biết ở tỉnh Đồng Nai vào năm 2016. Tài liệu điều tra xác định đăng ký chủ sở hữu xe mô tô là anh Ngô Văn Phúc, sinh năm 1975, trú tại xưởng X201, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan điều tra đã ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để xác minh làm rõ nhưng chưa có kết quả. Do vậy, Cơ quan điều tra đã tách ra để xác minh, xử lý sau nên Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra giải quyết.

**[7] Về nguồn gốc số Methamphetamine thu giữ:** Các bị cáo khai mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở khu vực cánh đồng thuộc địa phận xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có đủ căn cứ xử lý trong vụ án này.

**[8] Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[9] Các bị cáo có 15 ngày kháng cáo theo luật định.**

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Đ và bị cáo S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

#### **2. Về hình phạt:**

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2019;

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo S 01(một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2019.

**3. Xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:** Căn cứ vào điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy, loại Methamphetamine thu giữ của bị cáo Đ và bị cáo S sau giám định hoàn lại còn: 0,2935 gam mẫu vật giám định và toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 474/ KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Đ và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của S vào ngày 16/12/2019.

*(Vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Vũ Thư và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư ngày 17/3/2020 và đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình quản lý theo phiếu nhập kho ngày 17 tháng 3 năm 2020).*

**4. Về án phí:** Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Đ và S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:** Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Án xử công khai, sơ thẩm. Có mặt các bị cáo Đ và S. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/4/2020.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Vũ Thư;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

